

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **124/2023/HS-ST**

Ngày: 18/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Y.

2/ Ông Phùng Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 18 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 116/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Võ Văn T** (Tên gọi khác: **L**) sinh ngày 17/12/1991, tại Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: **Ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang**; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Cha tên **Võ Văn H** và mẹ tên **Nguyễn Thị Đ**; Anh chị em ruột: Bị cáo có 01 em ruột sinh năm 1990, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Vợ tên **Nguyễn Thị D**; Con: Bị cáo có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Lương Văn N**; Sinh ngày 29/11/1997, tại Tiền Giang; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Cha tên **Lương Văn T1** và mẹ: Không rõ; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần, cụ thể ngày 16/9/2021 bị **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.
- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Ngô Văn N1** (Tên gọi khác: Tủng); Sinh ngày 26/5/2002, tại Tiền Giang; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Cha tên **Ngô Văn H1** và mẹ tên **Nguyễn Thị Hằng E**; Anh chị em ruột: Bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm 2000, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.
- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: **Dương Quốc B**; Sinh ngày: 08/9/2003, tại Tiền Giang; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Cha tên **Dương Minh T2** và mẹ tên **Phạm Ngọc H2**; Anh chị em ruột: Bị cáo có 02 em ruột, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2013; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.
- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5/ Họ và tên: **Lương Văn V** (Tên gọi khác: Dẹo); Sinh ngày 08/11/1993, tại Tiền Giang; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Cha tên **Lương Văn B1** và mẹ **Nguyễn Thị T3**; Anh chị em ruột: Bị cáo có 02 em ruột, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Vợ tên **Võ Thị Bảo T4**, sinh năm 1992 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.
- Bị cáo có mặt tại phiên tòa

6/ Họ và tên: **Nguyễn Trường G** (Tên gọi khác: Giang Mập); Sinh ngày 23/4/1997, tại Tiền Giang; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: **Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang**; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Cha tên **Nguyễn Văn K** và mẹ tên **Nguyễn Thị Diễm T5**; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.
- Bị cáo có mặt tại phiên tòa

7/ Họ và tên: **Trần Bình Q** (Tên gọi khác: B); Sinh ngày 17/02/1992, tại Tiền Giang; Nơi ĐKNKTT: **Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang**; Nơi cư trú: **Số B, đường D, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang**; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Cha tên **Trần Cao T6** và mẹ tên **Lê Thị H3**; Bị cáo sống chung như vợ chồng với **Chế Thị Phan Tâm T7**, sinh năm 1992. Ngụ **số D L, Phường D, thành phố M, Tiền**

Giang. Bị cáo có 2 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không có.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.
- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Lê Dương C**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cư trú: **Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2021, bị cáo **Võ Văn T** đặt mua 02 khẩu súng và đạn qua mạng xã hội của người không rõ họ tên, địa chỉ, trong đó 01 khẩu bị cáo **T** mua cho mình và 01 khẩu mua cho bị cáo **Lương Văn N**. Sau khi nhận súng, bị cáo **T** giao cho bị cáo **Lương Văn N** một khẩu súng, khẩu súng còn lại bị cáo **T** mang về nhà cất giấu ở **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Sau đó, do sợ bị phát hiện nên bị cáo **T** bàn bạc với bị cáo **Lương Văn N** mang 02 khẩu súng trên đến nhà bị cáo **V** nhờ cất giấu. Bị cáo **T** điện thoại nhờ và được bị cáo **V** đồng ý, bị cáo **T** bỏ 02 khẩu súng trên vào trong một túi xách và nhờ bị cáo **B** mang đến nhà giao cho bị cáo **V** ở **số B ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang**, khi bị cáo **B** nhận túi xách có mở ra kiểm tra và cầm 01 trong 02 khẩu súng trên xem rồi mới mang đến nhà bị cáo **V**. Bị cáo **V** khai, sau khi nhận túi xách có chứa 02 khẩu súng thì bị cáo đem cất giấu trong đồng cỏ ở chuồng bò.

Tuy nhiên vài ngày sau bị cáo **Lương Văn N** đến gặp bị cáo **V** lấy túi xách chứa 02 khẩu súng giao lại cho bị cáo **T** 01 khẩu súng và khẩu còn lại bị cáo **Lương Văn N** cất giữ. Hai khẩu súng nêu trên tiếp tục được bị cáo **Võ Văn T**, bị cáo **Lương Văn N** và đồng phạm tàng trữ, sử dụng và mua bán với nhau như sau:

1. Vụ án tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, phát hiện ngày 11/7/2022, tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang liên quan cây súng do Lương Văn N tàng trữ.

Sau khi lấy cây súng từ nhà của bị cáo **V** về, bị cáo **Lương Văn N** đem về nhà tại **huyện C, tỉnh Tiền Giang** cất, sau đó đem súng ra khu đất trồng bắp thử 02 lần 12 viên đạn, kết quả đạn nổ 06 viên nhưng đã vứt bỏ các vỏ đạn và viên đạn không nổ. Bị cáo **Lương Văn N** nói chuyện mua được súng cho bị cáo **Ngô Văn N1** biết và có đưa súng cho bị cáo **Ngô Văn N1** cất giữ 01 ngày.

Khoảng 22 giờ ngày 10/7/2022, do có mâu thuẫn với nhóm của **Nguyễn Văn T8** nên bị cáo **G** điện thoại hỏi bị cáo **Ngô Văn N1** mượn cây súng sử dụng giải quyết mâu thuẫn, vì trước đó bị cáo **G** nghe bị cáo **Ngô Văn N1** nói có súng. Tuy nhiên, súng bị cáo **Ngô Văn N1** đã trả lại cho bị cáo **Lương Văn N**. Thời điểm này bị cáo **Ngô Văn N1** đang đi bắt cá bằng xung điện cùng bị cáo **B** nên bị cáo **B** sử dụng xe mô tô chở bị cáo **Ngô Văn N1** đi tìm bị cáo **Lương Văn N** mượn súng

mang đến cho bị cáo G. Khi cả hai đi đến khu vực N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì gặp bị cáo Lương Văn N. Tại đây, bị cáo Lương Văn N vào nhà trọ lấy một khẩu súng có lắp sẵn 4 viên đạn cầm trên tay mang ra đưa cho bị cáo Ngô Văn N1, Ngô Văn N1 nhận súng và cất giấu trong túi quần bên phải.

Đến khoảng 00 giờ ngày 11/7/2022, bị cáo B chở bị cáo Ngô Văn N1 đến khu vực cổng sau Khu công nghiệp L thuộc ấp T, huyện T, tỉnh Tiền Giang tìm gặp bị cáo G, tại đây bị cáo G hỏi bị cáo Ngô Văn N1 "Súng đâu?", thì bị cáo Ngô Văn N1 trả lời cho bị cáo G biết bị cáo Ngô Văn N1 đang cất giấu súng trong người, đồng thời lúc này nhóm của T8 đã bỏ đi nơi khác nên bị cáo G và bị cáo Ngô Văn N1, bị cáo B đến quán "Ven S" để nhậu. Khi nhóm của bị cáo G vừa đến cửa quán thì bị nhóm của T8 chặn đánh. Bị cáo Ngô Văn N1 và bị cáo B bỏ chạy theo hướng Nam Kinh 2, bị cáo G bỏ chạy theo hướng ngược lại. Bị cáo Ngô Văn N1 khai khi chạy đến khu vực gần Cầu Đ, thuộc xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang do bị nhóm của T8 truy đuổi, tấn công nên bị cáo Ngô Văn N1 và bị cáo B bỏ xe mô tô chạy bộ, trong lúc bị truy đuổi, bị cáo Ngô Văn N1 lấy súng trong túi quần ra bắn chỉ thiên 3 phát đạn nên nhóm của T8 bỏ đi. Bị cáo Ngô Văn N1 vứt bỏ 02 vỏ đạn đã bắn xuống đường rồi mang súng về nhà ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cất giấu. Đến ngày 11/7/2022, bị cáo Ngô Văn N1 giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tiền Giang.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

- 01 khẩu súng bằng kim loại dạng ổ xoay dài 125mm, màu trắng đen, ốp báng súng bằng nhựa màu nâu trắng, cỡ nòng 0,5mm;
- 01 viên đạn bằng kim loại dài 25 mm, vỏ đạn màu vàng, đầu đạn màu đen, đít đạn có kí hiệu SB;
- 03 vỏ đạn bằng kim loại dài 15,5mm, đít đạn có kí hiệu SB,

Tại Bản kết luận giám định số 742/KL-KTHS (Đ2) ngày 12/7/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- 01 khẩu súng gửi giám định (thu của Ngô Văn N1) được chế tạo thủ công để bắn với loại đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm. Khẩu súng nêu trên có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng.

Sử dụng khẩu súng gửi giám định bắn với loại đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm, đạn nổ vào cơ thể người có thể gây thương tích hoặc chết người.

- Đạn gửi giám định là đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm và không phải là vũ khí quân dụng. Loại đạn này thường sử dụng để bắn cho một số loại súng có nòng 5,6mm như: Súng ám sát hình bút, TOZ8... các loại súng chế tạo thủ công có đường kính buồng đạn 6mm và khẩu súng gửi giám định.

- 03 vỏ đạn gửi giám định là vỏ của đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm không phải là vũ khí quân dụng.

Tại Bản kết luận giám định số 4300/KL-KTHS, ngày 15/8/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 03 vỏ đạn thu được tại hiện trường là do khẩu súng ổ xoay (thu của **Ngô Văn N1**) bắn ra.

Đối với số vỏ đạn và đạn mà **Lương Văn N** bắn thử, **Lương Văn N** khai vứt bỏ tại nơi bắn không xác định được vị trí, thời gian bắn đã lâu nên Cơ quan An ninh điều tra không truy tìm thu hồi được.

2. Vụ án “Mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” phát hiện ngày 23/7/2022 liên quan cây súng do **Võ Văn T tàng trữ.**

Khoảng tháng 5/2022, bị cáo **Trần Bình Q** khai nhận do có nhu cầu mua súng để sử dụng nên nhờ **Lê Dương C**, sinh năm 1985, ngụ ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang hỏi mua dùm bị cáo **Q** 01 khẩu súng. **C** đồng ý nên dùng điện thoại của **C** liên lạc với bị cáo **T** và hỏi: “Còn cây súng nào bán anh cây?” hỏi xong **C** chuyển điện thoại cho bị cáo **Q** trực tiếp trao đổi, thỏa thuận việc mua bán súng với bị cáo **T**. Bị cáo **T** thống nhất bán cho bị cáo **Q** 01 khẩu súng của bị cáo **T** đang cất với giá 10.000.000 đồng. Đến ngày hôm sau, bị cáo **T** hẹn bị cáo **Q** đến khu vực gần trường Trung học phổ thông T9, huyện C, tỉnh Tiền Giang để nhận súng, bị cáo **T** khai do đang bận việc nên đưa súng cho bị cáo **B** mang ra đưa cho bị cáo **Q** và lấy 10.000.000 đồng đem về cho bị cáo **T** (khi **B** nhận mang súng giúp **T**, **B** không biết **T** bán khẩu súng cho **Q**). Bị cáo **Q** nhận súng đem về cất giấu tại nhà ở Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Sau khi sự việc bị phát hiện, đến ngày 23/7/2022, bị cáo **Q** đến Cơ quan điều tra giao nộp khẩu súng trên.

* **Vật chứng thu giữ gồm:** 01 (một) khẩu súng bằng kim loại dạng rulo màu trắng, có ổ xoay, có ốp nhựa hai bên tay cầm.

Tại Bản kết luận giám định số 786/KL-KTHS (Đ2) ngày 26/7/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

Khẩu súng gửi giám định (thu của bị cáo **Trần Bình Q**) là súng được chế tạo thủ công để bắn với loại đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm. Hiện tại khẩu súng còn đầy đủ các bộ phận, lắp ráp đúng vị trí và bắn được đạn nổ. Khẩu súng nêu trên là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng.

Tiến hành cho bị cáo **Q**, bị cáo **T** và bị cáo **B** nhận dạng khẩu súng, kết quả xác định: Cây súng do bị cáo **Q** giao nộp đúng khẩu súng của bị cáo **T** bán và nhờ bị cáo **B** vận chuyển giao cho bị cáo **Q**.

Đối với bị cáo **Trần Bình Q**: Ngày 20/12/2022, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T tiến hành trưng cầu giám định về tâm thần. Tại Bản kết luận giám định số 66/KL-VPYTW ngày 07/02/2023 của Viện pháp y tâm thần trung ương B2 kết luận:

Về y học: Trước, trong sau khi gây án: Đang sự bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07,8-ICD.10). Hiện nay đang sự bị bệnh rối loạn sự thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm (F43 22-ICD.10).

Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án: Dương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Hiện nay: Dương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Ngày 23/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với **Trần Bình Q** đến ngày 12/4/2023 **Viện pháp y tâm thần Trung ương B2** có Thông báo số 259/TB-VPYTW về kết quả điều trị đối tượng chữa bệnh bắt buộc, xác định: Tình trạng tâm thần của **Trần Bình Q** đã ổn định, không cần thiết áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh nữa. Ngày 19/4/2023, Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh T** giám định tâm thần đối với **Trần Bình Q** sau thời gian điều trị bắt buộc chữa bệnh. Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 295/KLBB-VPYTW ngày 28/4/2023 của **V2** đối với **Trần Bình Q**: Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Dương sự có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Ngày 08/5/2023, Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh T** ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án, Quyết định phục hồi điều tra bị can đối với **Trần Bình Q** để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với **Lê Dương Công k** nhận có mối quen biết bạn bè với bị cáo **Văn T**, bị cáo **Q**, **C** hoàn toàn không có thực hiện việc trao đổi, mua bán đối với khẩu súng mà bị cáo **T** bán cho bị cáo **Q**, do được bị cáo **Q** nhờ tìm mua súng giúp đề phòng thân nên **C** đã giới thiệu bị cáo **T** để cả hai tự thỏa thuận việc mua bán súng, **C** hoàn toàn không biết đặc điểm, loại súng, giá bán nên không có căn cứ xử lý **C** với vai trò đồng phạm.

Theo Cáo trạng số 13/CT-VKTTG-P1 ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo **Võ Văn T** tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo **Lương Văn N** tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo **Dương Quốc B** tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo **Ngô Văn N1** tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo **Lương Văn V** tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo **Nguyễn Trường G** tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo **Trần Bình Q** tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Tại phiên tòa:** Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin mức án nhẹ về với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Võ Văn T** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lương Văn N** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Dương Quốc B** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Ngô Văn N1** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.
- Áp dụng: khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt **Lương Văn V** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.
- Áp dụng: khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Trường G** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s, q khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Bình Q:** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 BLTTHS, Điều 47 BLHS; Khoản 4 Điều 66 Luật quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 đề nghị Tòa án giao cho **Công an C1** xử lý tiêu hủy theo thẩm quyền các vật chứng sau: 01 khẩu súng bằng kim loại dạng ổ xoay dài 125mm, màu trắng, đen, ốp báng súng bằng nhựa màu nâu trắng, cỡ nòng 6,5mm; 01 viên đạn bằng kim loại dài 25 mm, vỏ đạn màu vàng, đầu đạn màu đen, đít đạn có kí hiệu SB; 03 vỏ đạn bằng kim loại dài 15,5mm, đít đạn có kí hiệu SB; 01 (một) khẩu súng bằng kim loại dạng rulo màu trắng, có ổ xoay, có ốp nhựa hai bên tay cầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Kiểm

sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên toà các bị cáo **Võ Văn T**, **Lương Văn N**, **Dương Quốc B**, **Ngô Văn N1**, **Lương Văn V**, **Nguyễn Trường G**, bị cáo **Trần Bình Q** khai nhận và thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được, Kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo **Võ Văn T** là người trực tiếp mua 02 khẩu súng, sau khi mua thì 01 khẩu bị cáo **T** cho bị cáo **Lương Văn N**, 01 khẩu bị cáo **T** cất giữ 01 thời gian sau đó thì bán lại cho bị cáo **Q** với giá 10.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo **T** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Lương Văn N** được bị cáo **T** mua cho 01 khẩu súng đem về cất giữ, trong quá trình cất giữ bị cáo có đem súng ra bắn thử 02 lần (12 viên), sau đó cho bị cáo **Ngô Văn N1** mượn súng. Hành vi của bị cáo **Lương Văn N** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Dương Quốc B** đã giúp các bị cáo **Võ Văn T**, **Lương Văn N** mang 02 khẩu súng đến nhà giao cho bị cáo **Lương Văn V** cất giấu giúp và bị cáo **B** còn mang khẩu súng của bị cáo **T** giao cho bị cáo **Q**. Hành vi của bị cáo **B** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Ngô Văn N1** được bị cáo **Lương Văn N** cho mượn súng đem về cất giữ 01 ngày rồi trả lại. Khi bị cáo **Nguyễn Trường G** yêu cầu mượn súng, thì bị cáo **Ngô Văn N1** đến gặp bị cáo **Lương Văn N** mượn súng, cất giữ trong người sau đó đem đến huyện **T** bắn chỉ thiên 03 viên đạn. Hành vi của bị cáo **Ngô Văn N1** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Lương Văn V** nhận túi xách có chứa 02 khẩu súng mà bị cáo **T** và bị cáo **Lương Văn N** nhờ cất giấu và bị cáo **V** đã cất giấu ở chuồng bò nhà của bị cáo. Hành vi của bị cáo **V** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Nguyễn Trường G** là người xúi giục bị cáo **Ngô Văn N1** mượn súng của bị cáo **Lương Văn N** để nhằm giúp bị cáo **G** giải quyết mâu thuẫn với nhóm của **T8**. Hành vi của bị cáo **G** là đồng phạm với bị cáo **Ngô Văn N1** về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Trần Bình Q** có hành vi mua khẩu súng của bị cáo **T** và đem về nhà cất giữ cho đến khi giao nộp cho Cơ quan điều tra. Hành vi của bị cáo **Q** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không phân công cụ thể vai trò của từng bị cáo, do đó hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước và hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo, đồng thời bảo đảm ngăn ngừa phạm tội chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Đối với bị cáo **Võ Văn T**: Bị cáo **T** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có đơn xin xác nhận là lao động chính trong gia đình, có chú ruột là liệt sĩ nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **Lương Văn N**: Bị cáo **Lương Văn N** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình của bị cáo có đơn xin xác nhận bị cáo là lao động chính, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **Dương Quốc B**: Bị cáo **B** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **Ngô Văn N1**: Bị cáo **Ngô Văn N1** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **Lương Văn V**: Bị cáo **V** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và gia đình có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo

V1 tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Trường G**: Bị cáo **G** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **Trần Bình Q**: Bị cáo **Q** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khi phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 khẩu súng bằng kim loại dạng ổ xoay dài 125mm, màu trắng đen, ốp báng súng bằng nhựa màu nâu trắng, cỡ nòng 6,5mm; 01 viên đạn bằng kim loại dài 25 mm, vỏ đạn màu vàng, đầu đạn màu đen, đít đạn có kí hiệu SB; 03 vỏ đạn bằng kim loại dài 15,5mm, đít đạn có kí hiệu SB; 01 (một) khẩu súng bằng kim loại dạng rulo màu trắng, có ổ xoay, có ốp nhựa hai bên tay cầm. Các vật chứng nêu trên là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng nên cần giao cho **Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T** xử lý theo quy định.

[6] Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang để điều tra làm rõ hành vi mua bán 02 khẩu súng của **Lê Dương C** cho bị cáo **Võ Văn T**; Điều tra hành vi sử dụng súng của bị cáo **Võ Văn T** và hành vi cất giấu 87 viên đạn cùng với 03 đến 04 khẩu súng mà bị cáo **T** đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C1**, tỉnh Tiền Giang; Điều tra hành vi gây rối trật tự công cộng của những người tham gia giải quyết mâu thuẫn giữa nhóm của bị cáo **G** và nhóm của **T8**; Điều tra hành vi của **Nguyễn Văn T8** cất giấu 02 khẩu súng mà **T8** giao nộp cho Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố trong vụ án **Võ Văn T** cùng đồng phạm. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự quy định giới hạn của việc xét xử “Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử”. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử hành vi phạm tội của các bị cáo trong phạm vi truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[7] Xét đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Bị cáo **Võ Văn T** phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”; Bị cáo **Lương Văn N** phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; Bị cáo **Dương Quốc B** phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”; Bị cáo **Ngô Văn N1** phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; Bị cáo **Lương Văn V** phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; Bị cáo **Nguyễn Trường G** phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; Bị cáo **Trần Bình Q** phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Văn T 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Lương Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Dương Quốc B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

4/ Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Văn N1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

5/ Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Lương Văn V 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

6/ Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Trường G 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

7/ Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s, q khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Bình Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

*** Về xử lý vật chứng:**

Giao các vật chứng gồm: 01 (một) khẩu súng bằng kim loại dạng ổ xoay dài 125mm, màu trắng đen, ốp báng súng bằng nhựa màu nâu trắng, cỡ nòng 6,5mm; 01 (một) khẩu súng bằng kim loại dạng rulo màu trắng, có ổ xoay, có ốp nhựa hai bên tay cầm; 01 viên đạn bằng kim loại dài 25 mm, vỏ đạn màu vàng, đầu đạn màu đen, đít đạn có kí hiệu SB; 03 vỏ đạn bằng kim loại dài 15,5mm, đít đạn có kí hiệu SB, cho **Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh T** xử lý theo quy định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/8/2023).

*** Về án phí:** Bị cáo **Võ Văn T**, bị cáo **Lương Văn N**, bị cáo **Dương Quốc B**, bị cáo **Ngô Văn N1**, bị cáo **Lương Văn V**, bị cáo **Nguyễn Trường G**, bị cáo **Trần Bình Q** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo liên quan đến phần quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, người liên quan.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh

